

# Chuyển đổi chiến lược sinh kế của nông hộ nhỏ ven đô Hà Nội

Nguyễn Tuấn Anh\*

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh đô thị hóa, công nghiệp hóa, xây dựng nông thôn mới và những điều chỉnh lớn về tổ chức hành chính - lãnh thổ ở nông thôn, sinh kế của các nông hộ nhỏ ven đô Hà Nội đang trải qua quá trình chuyển đổi sâu sắc. Bài viết này phân tích quá trình chuyển đổi chiến lược sinh kế của nông hộ nhỏ ven đô Hà Nội hiện nay dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững. Dựa trên dữ liệu định tính thu thập từ các phỏng vấn sâu tại một số địa phương ven đô Hà Nội, nghiên cứu làm rõ cách thức các nông hộ tái cấu trúc và kết hợp năm loại vốn sinh kế - vốn tự nhiên, vốn con người, vốn vật chất, vốn tài chính và vốn xã hội - để tạo dựng chiến lược sinh kế. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự biến động của vốn tự nhiên, đặc biệt là đất nông nghiệp, gắn liền với quá trình nông hộ nhỏ chuyển đổi chiến lược sinh kế từ nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp. Các nông hộ nhỏ ngày càng đa dạng hóa sinh kế thông qua sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, lao động làm thuê và di cư, đồng thời tích lũy vốn vật chất và tài chính để tham gia sâu hơn vào thị trường. Bên cạnh đó, vốn xã hội, thông qua các mạng lưới làng nghề, quan hệ họ hàng và kết nối thị trường, giữ vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu rủi ro và mở rộng cơ hội sinh kế. Qua việc khám phá chuyển đổi chiến lược sinh kế của nông hộ nhỏ, bài viết góp phần mở rộng sự hiểu biết về biến đổi của nông thôn ven đô Hà Nội.

*Từ khóa:* nông hộ nhỏ; sinh kế; ven đô; Hà Nội.

*Ngày nhận: 19/01/2026; ngày chỉnh sửa: 05/02/2026; ngày chấp nhận đăng: 28/02/2026*

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2026.12.1.12>

## 1. Dẫn nhập

Nông thôn Việt Nam đã và đang trải qua những biến đổi sâu sắc trong tiến trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, đặc biệt là việc bỏ cấp huyện, sáp nhập các xã và triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới. Trong bối cảnh đó, sinh kế của các nông hộ nhỏ có những biến đổi sâu sắc. Trên thực tế, tại Việt Nam nhiều nghiên cứu sinh kế từ những góc độ

khác nhau đã được triển khai. Nguyễn Duy Thắng (2009) tập trung phân tích vai trò của vốn xã hội trong việc hỗ trợ nông dân ven đô Hà Nội thích ứng với quá trình thu hồi đất nông nghiệp. Trong khi đó, Nguyễn Xuân Mai (2007), qua nghiên cứu sinh kế của các hộ gia đình ở một số vùng ngập mặn thuộc các tỉnh phía Nam, cho rằng chiến lược sinh kế hiệu quả cần dựa trên việc huy động đồng thời năm loại vốn, gồm vốn con người, vốn xã hội, vốn tài nguyên, vốn vật chất và vốn tài chính. Ở một bối cảnh khác, Huỳnh Văn Chương và

\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; email: [ntanh.xhh@vnu.edu.vn](mailto:ntanh.xhh@vnu.edu.vn)

Ngô Hữu Hoạch (2010) chỉ ra rằng quá trình chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp tại Hội An làm thay đổi căn bản sinh kế nông nghiệp truyền thống của người nông dân. Bùi Bích Lan (2011) nhấn mạnh rằng việc khai thác tài nguyên quá mức nhằm phục vụ sinh kế của người Kháng ở Sơn La đã dẫn đến những tác động tiêu cực đối với môi trường. Ngô Thị Phương Lan (2012) cho thấy tình trạng thiếu đất sản xuất là nguyên nhân quan trọng thúc đẩy di cư lao động của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm cải thiện thu nhập. Dưới góc độ thể chế, Dương Chí Thiện và Vũ Mạnh Lợi (2014) ghi nhận xu hướng thanh niên vùng ven đô Hà Nội rời bỏ sản xuất nông nghiệp để tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực phi nông nghiệp hoặc phát triển các mô hình sản xuất mới. Nguyễn Văn Sửu (2018) cho rằng quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở vùng ven đô Hà Nội làm gia tăng giá trị đất đai, qua đó bổ sung nguồn vốn tài chính cho các hộ gia đình nông dân. Phan Thị Ngọc (2018) phản ánh thực tế chuyển đổi sinh kế từ sản xuất nông nghiệp sang kinh doanh nhà trọ của người dân ở một địa phương ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá. Nguyễn Thị Thu Hương (2019) chỉ rõ tính linh hoạt và tính thích ứng cao của phụ nữ ở một vùng ven đô Hà Nội trong quá trình chuyển đổi sinh kế nông nghiệp trước thu hồi đất và sau thu hồi đất.

Nhìn chung, các nghiên cứu về sinh kế ở trên tập trung vào một số nhóm xã hội cụ thể trong những bối cảnh khác nhau, như nông dân ven đô, thanh niên ven đô, lao động di cư và các nhóm dân tộc thiểu số. Những công trình này đã góp phần quan trọng trong việc mở rộng hiểu biết về sinh kế của từng nhóm xã hội tại những địa phương nhất định. Tuy nhiên, việc tiếp tục nghiên cứu sự biến đổi sinh kế của hộ gia đình nông thôn nói chung, trong đó có nông hộ nhỏ ven đô Hà Nội hiện nay, theo hướng hệ thống và cập nhật là cần thiết nhằm góp phần làm rõ thêm những động lực, cơ chế và hệ quả xã

hội của quá trình biến đổi xã hội nông thôn Việt Nam đương đại.

## 2. Bản chất và đặc trưng của nông hộ nhỏ

Nông hộ nhỏ (smallholder), là một khái niệm được sử dụng phổ biến trong nhiều ấn phẩm khoa học (Lowder và Raney 2016; Thompson và cộng sự 2025), và tài liệu chính thức của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (The World Bank 2023), hay Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc (Office of Assistant Director-General (Natural Resources Management and Environment Department) 2013). Dưới góc nhìn của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc, nông hộ nhỏ là hộ sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, với diện tích canh tác thường dao động từ dưới 01 héc-ta đến khoảng 10 héc-ta, có đặc trưng là chú trọng duy trì sự ổn định của hệ thống kinh tế hộ, chủ yếu sử dụng lao động gia đình trong sản xuất và dành một phần sản phẩm để phục vụ nhu cầu tiêu dùng của chính hộ gia đình (Office of Assistant Director-General (Natural Resources Management and Environment Department) 2013). Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý là quy mô của nông hộ nhỏ xét trên phương diện đất canh tác vẫn không có sự thống nhất mà phụ thuộc bối cảnh lịch sử, thể chế, hệ sinh thái, và vai trò của nông nghiệp quy mô nhỏ trong nền kinh tế nông thôn (Khalil và cộng sự 2017). Chẳng hạn, nông hộ nhỏ ở các nước đang phát triển thường có diện tích đất sản xuất từ 02 héc-ta trở xuống (IFC 2013: 2). Vì vậy, nhìn một cách tổng thể, nông hộ nhỏ là hộ sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, chủ yếu dựa vào lao động gia đình, sản phẩm sản xuất ra vừa phục vụ tiêu dùng trong hộ gia đình vừa bán ra thị trường.

Trong tiếng Việt, nhiều thuật ngữ được sử dụng để diễn đạt khái niệm “nông hộ

nhỏ” như nông hộ, hộ gia đình nông dân, hộ sản xuất nông nghiệp, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, nhà nông, nông gia, tiểu nông, gia đình tá điền hoặc hộ tá điền. Trong đó, các thuật ngữ nông hộ, hộ gia đình nông dân, hộ sản xuất nông nghiệp hiện nay được sử dụng phổ biến trong đời sống và trong các tài liệu chính thức để chỉ hoạt động sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình (Nguyễn Tuấn Anh 2019). *Luật Đất đai năm 2024* sử dụng một số thuật ngữ chẳng hạn như “hộ gia đình”, “hộ gia đình sử dụng đất” “hộ gia đình được Nhà nước giao đất” để chỉ đơn vị sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình (Quốc hội 2024).

Về quy mô đất sản xuất của hộ gia đình, *Luật Đất đai năm 2013* (Điều 129) quy định: “1. Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sau: a) Không quá 03 héc-ta cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc khu vực Đông Nam Bộ và khu vực đồng bằng sông Cửu Long; b) Không quá 02 héc-ta cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác. 2. Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 10 héc-ta đối với xã, phường, thị trấn ở đồng bằng; không quá 30 héc-ta đối với xã, phường, thị trấn ở trung du, miền núi” (Quốc hội 2013). *Luật Đất đai năm 2024* (điều 176) quy định: “1. Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được quy định như sau: a) Không quá 03 héc-ta cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực Đông Nam Bộ và khu vực đồng bằng sông Cửu Long; b) Không quá 02 héc-ta cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác. 2. Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho cá nhân không quá 10 héc-ta đối với xã, phường, thị trấn ở đồng bằng; không quá 30 héc-ta đối

với xã, phường, thị trấn ở trung du, miền núi” (Quốc hội 2024).

Như vậy, khung pháp lý về hạn mức giao đất nông nghiệp định hình quy mô sản xuất của hộ gia đình/cá nhân theo hướng “quy mô nhỏ” đối với các nông hộ trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, làm muối; và có phân hóa theo vùng. Cụ thể, đối với đất trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản và làm muối, hạn mức phổ biến chỉ 2-3 héc-ta cho mỗi loại đất (tùy vùng). Với đất trồng cây lâu năm, hạn mức cao hơn (10 héc-ta ở đồng bằng; 30 héc-ta ở trung du - miền núi) nhưng vẫn thể hiện cách tiếp cận phân hóa theo điều kiện sinh thái - địa lý. Như vậy, nếu như hạn mức giao đất cho cá nhân, hộ gia đình trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, làm muối vẫn theo mức quy mô nhỏ thì hạn mức giao đất cho cá nhân, hộ gia đình trồng cây lâu năm đã vượt lên quy mô nhỏ.

Việc *Luật Đất đai 2024* giữ nguyên các ngưỡng cơ bản so với *Luật Đất đai 2013* cho thấy định hướng quản lý đất nông nghiệp vẫn duy trì cấu trúc nông nghiệp hộ gia đình quy mô nhỏ đối với nông hộ trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, làm muối. Việc tích tụ ruộng đất để hình thành quy mô sản xuất lớn chủ yếu phải dựa vào các cơ chế ngoài “giao đất”, chẳng hạn như cơ chế nhận chuyển nhượng, với “hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân không quá 15 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của cá nhân đối với mỗi loại đất theo quy định tại điều 177 của *Luật Đất đai năm 2024* (Quốc hội 2024). Điểm đáng lưu ý thêm là *Luật Đất đai năm 2013* xác định chủ thể được giao đất sản xuất nông nghiệp là “hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp”, trong khi *Luật Đất đai năm 2024* chỉ còn quy định chủ thể là “cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp”. Sự thay đổi này cho thấy xu hướng thu hẹp và làm rõ tư cách pháp lý của chủ thể sử dụng đất, chuyển từ một chủ thể mang tính “tập thể gia đình” sang chủ thể cá nhân có tư cách pháp lý cụ

thể, dễ xác định và chịu trách nhiệm trực tiếp trước pháp luật.

Trên thực tế, quy mô diện tích đất sản xuất nông nghiệp của đại đa số các hộ gia đình là nhỏ. Một nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng: “90% đất sản xuất nông nghiệp do hộ gia đình cá nhân quản lý sử dụng” và “đất sản xuất nông nghiệp bình quân 0,6766 héc-ta/hộ nông thôn; 1,2577 héc-ta /hộ nông nghiệp” (Nguyễn Quang Học 2023). Đơn cử số liệu ở một địa phương là tỉnh Tiền Giang cũ trước đây, “bình quân diện tích đất nông nghiệp ở Tiền Giang là 0,57 héc-ta/hộ (bình quân của vùng đồng bằng sông Cửu Long là 1,41 héc-ta/hộ). Trong đó, 16,63% số hộ có diện tích dưới 0,2 héc-ta; 28,39% số hộ có diện tích canh tác 0,2 đến dưới 0,5 héc-ta; 43,74% số hộ có diện tích từ 0,5 héc-ta đến dưới 02 héc-ta và 11,22% số hộ có diện tích từ 02 héc-ta trở lên” (Nhóm phóng viên 2022). Như vậy, phần lớn đất sản xuất nông nghiệp vẫn do hộ gia đình, cá nhân trực tiếp quản lý và sử dụng, song diện tích bình quân trên mỗi hộ ở mức thấp. Điều này phản ánh rõ tính phổ biến của các nông hộ quy mô nhỏ ở khu vực nông thôn. Do đó, việc nghiên cứu chuyển đổi chiến lược sinh kế của các nông hộ nhỏ ở vùng ven đô Hà Nội là một vấn đề có ý nghĩa và cần được quan tâm đúng mức bởi sự phổ biến của nông hộ nhỏ trong sản xuất nông nghiệp ở nông thôn Việt Nam.

### 3. Chuyển đổi chiến lược sinh kế của các nông hộ nhỏ dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững

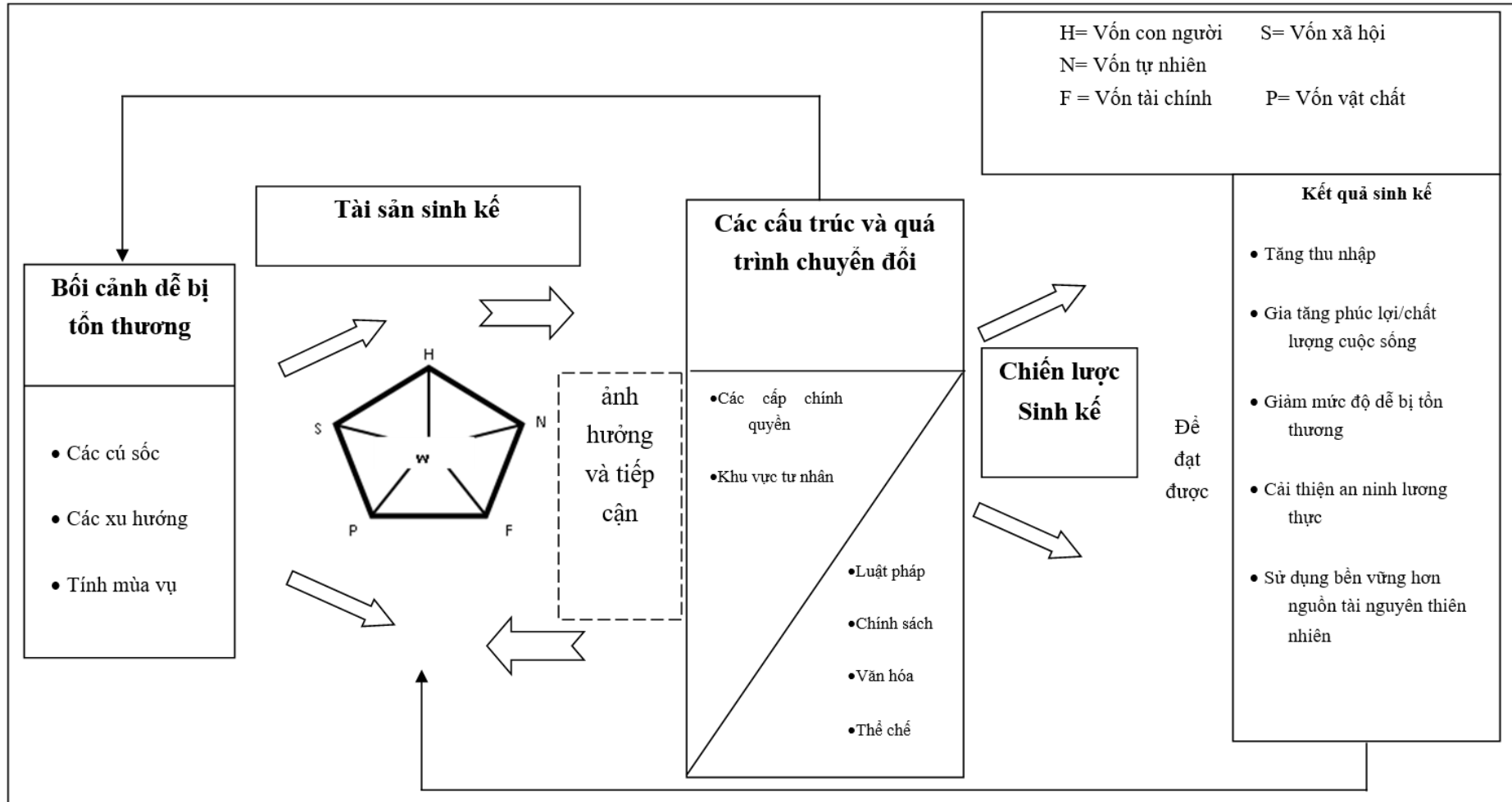
Sinh kế là một khái niệm thu hút sự quan tâm rộng rãi của nhiều học giả trên thế giới trong các lĩnh vực nghiên cứu phát triển, kinh tế - xã hội và chính sách (Ashley và Carney 1999; Chambers và Conway 1992; DFID 1999; Kollmair và Gamper 2002; Krantz 2001; Scoones 1998; Turton 2000). Trong các công trình nghiên cứu, nhiều định nghĩa khác nhau về sinh kế đã được đề xuất

bởi các học giả và tổ chức quốc tế có uy tín, phản ánh những cách tiếp cận khác nhau, song nhìn chung đều có sự tương đồng đáng kể về nội hàm khái niệm. Trên cơ sở kế thừa và hệ thống hóa các quan niệm trước đó, DFID cũng đưa ra định nghĩa: “Sinh kế bao gồm các năng lực, tài sản (bao gồm cả nguồn lực vật chất và nguồn lực xã hội) và các hoạt động cần thiết để bảo đảm cách thức mưu sinh (DFID 1999: 1.1). Từ các cách tiếp cận nêu trên có thể rút ra rằng, sinh kế được cấu thành bởi ba hợp phần cốt lõi, bao gồm: (i) các loại tài sản mà chủ thể sinh kế có thể tiếp cận và sử dụng; (ii) năng lực của chủ thể trong việc huy động, kết hợp và chuyển hóa các nguồn lực đó; và (iii) các hoạt động cụ thể nhằm tạo ra thu nhập, bảo đảm một cách thức mưu sinh. Do đó, trong thực tiễn nghiên cứu về sinh kế, ba hợp phần này cần được xem xét một cách toàn diện nhằm phản ánh đầy đủ đặc điểm, mức độ ổn định cũng như tính bền vững của sinh kế trong những bối cảnh cụ thể.

Theo DFID, khung sinh kế bền vững mô tả các thành tố cấu thành sinh kế và những yếu tố chi phối khả năng mưu sinh của cá nhân. Khung này gồm năm hợp phần chính: bối cảnh dễ bị tổn thương, tài sản sinh kế, các cấu trúc và quá trình chuyển đổi, chiến lược sinh kế và kết quả sinh kế. Trong đó, bối cảnh dễ bị tổn thương là môi trường sống mà cá nhân tồn tại, bao gồm các xu hướng (liên quan đến/về dân số, tài nguyên, kinh tế, quản trị, công nghệ), các cú sốc (liên quan đến/về sức khỏe, tự nhiên, kinh tế, xung đột), và tính thời vụ (của giá cả, sản xuất, sức khỏe, cơ hội việc làm); những yếu tố này tác động trực tiếp đến tài sản sinh kế, định hướng chiến lược sinh kế và khả năng đạt được các kết quả sinh kế của cá nhân (DFID 1999). Một trong những điểm quan trọng khi bàn về sinh kế là khung sinh kế bền vững. Khung sinh kế bền vững của DFID được trình bày cụ thể như sau:

Hình 1: Khung sinh kế bền vững của DFID

**Khung sinh kế bền vững**



(Nguồn: DFID 1999)

Tài sản sinh kế là các nguồn lực mà cá nhân có thể huy động và kết hợp để đạt mục tiêu sinh kế, được cấu thành bởi năm loại vốn: vốn con người, vốn xã hội, vốn tự nhiên, vốn vật chất và vốn tài chính. Vốn con người bao gồm các thành tố như kiến thức, kỹ năng, năng lực lao động và tình trạng sức khỏe, cho phép cá nhân triển khai các chiến lược sinh kế nhằm đạt được những mục tiêu nhất định. Vốn xã hội được hình thành từ các mạng lưới quan hệ xã hội, tư cách tham gia các nhóm, mức độ lòng tin và quan hệ tương hỗ, qua đó thúc đẩy hợp tác và góp phần làm giảm chi phí giao dịch giữa các cá nhân. Vốn tự nhiên đề cập đến các nguồn tài nguyên thiên nhiên, chẳng hạn như đất đai và cây trồng, được khai thác và sử dụng để tạo dựng sinh kế. Vốn vật chất bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng cùng các công cụ và phương tiện phục vụ hoạt động sản xuất. Trong khi đó, vốn tài chính là các nguồn lực tài chính như tiền mặt, tiền tiết kiệm, thu nhập thường xuyên, lương hưu hoặc các nguồn vốn tín dụng mà cá nhân có thể huy động để thực hiện các mục tiêu sinh kế (DFID 1999: 2.3 - 2.3.5). Việc tiếp cận, sử dụng, kết hợp và chuyển đổi các loại vốn này diễn ra trong bối cảnh được định hình bởi luật pháp, chính sách, văn hoá, thể chế, các cấp chính quyền, khu vực tư nhân, từ đó hình thành các chiến lược sinh kế cụ thể. Kết quả sinh kế phản ánh hiệu quả của các chiến lược này, thể hiện qua nhiều khía cạnh như tăng thu nhập, gia tăng phúc lợi/chất lượng cuộc sống, giảm mức độ dễ bị tổn thương, và sử dụng bền vững hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên (DFID 1999). Việc vận dụng định nghĩa sinh kế và khung sinh kế bền vững của DFID cho phép phân tích một cách có hệ thống biến đổi sinh kế của nông hộ nhỏ ven đô Hà Nội.

#### 4. Địa bàn nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này dựa trên dữ liệu thực địa được thu thập tại các xã Dương Liễu, Tân Hội và Hoàng Diệu cũ thuộc thành phố Hà Nội. Tại thời điểm tiến hành nghiên cứu, đây đều là các đơn vị hành chính cấp xã độc lập, có đặc điểm kinh tế - xã hội và cấu trúc sinh kế nông hộ mang tính điển hình của khu vực ven đô Hà Nội trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, trong giai đoạn gần đây, thực hiện chủ trương của Nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã nhằm tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản lý, các xã này đã được sáp nhập với các xã lân cận để hình thành các đơn vị hành chính cấp xã mới. Cụ thể như sau: “Thành lập xã Dương Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã: Minh Khai, Dương Liễu, Cát Quế, Yên Sở, Đắc Sở (huyện Hoài Đức)”; “Thành lập xã Ô Diên trên cơ sở nhập toàn phần diện tích tự nhiên và dân số của các xã: Hạ Mỗ, Tân Hội (huyện Đan Phượng); phần lớn diện tích tự nhiên và dân số của các xã: Hồng Hà, Liên Hồng, Liên Hà, Liên Trung, Tân Lập (huyện Đan Phượng); một phần diện tích tự nhiên của phường Tây Tựu (quận Bắc Từ Liêm) và xã Văn Khê (huyện Mê Linh)”; “Thành lập xã Quảng Bị trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã: Tốt Động, Hợp Đồng, Quảng Bị, Hoàng Diệu (huyện Chương Mỹ); phần lớn diện tích tự nhiên và dân số của xã Lam Điền (huyện Chương Mỹ)” (Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội 2025).

Việc sáp nhập này không chỉ làm thay đổi ranh giới và tên gọi hành chính, mà còn tạo ra bối cảnh phát triển mới cho các địa bàn nghiên cứu. Các xã mới hình thành có quy mô dân số và diện tích lớn hơn, cơ cấu kinh tế đa dạng hơn, đồng thời chịu sự chi phối mạnh mẽ hơn của quy hoạch phát triển đô thị và chương trình xây dựng nông thôn

mới giai đoạn sau. Trong bối cảnh đó, sinh kế của nông hộ nhỏ - vốn được hình thành trong không gian xã truyền thống - tiếp tục chịu tác động đan xen của quá trình sáp nhập hành chính, tái cấu trúc quản lý ở cơ sở và chuyển đổi mô hình phát triển nông thôn. Vì vậy, trong bài viết này, việc sử dụng tên gọi các xã Dương Liễu, Tân Hội và Hoàng Diệu được hiểu là theo đơn vị hành chính tại thời điểm thu thập dữ liệu, nhằm phản ánh chính xác bối cảnh xã hội và sinh kế của nông hộ ngay trước quá trình sáp nhập các xã, đồng thời tạo cơ sở để thảo luận về những biến đổi sinh kế trong các xã mới hình thành hiện nay.

Xã Dương Liễu có diện tích đất tự nhiên là 410,57 héc-ta, trong đó đất nông nghiệp chiếm 295,25 héc-ta và đất phi nông nghiệp là 113,32 héc-ta. Xã nằm trong khu vực tam giác của lưu vực sông Hồng và sông Đáy. Địa hình tự nhiên của xã dốc dần về phía Đông Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng. Xã Dương Liễu được chia thành 14 thôn, bao gồm hai khu vực chính: miền làng với 10 thôn và miền bãi với 4 thôn<sup>1</sup>.

Xã Tân Hội có tổng diện tích tự nhiên 532 héc-ta, với dân số khoảng 19.000 người, mật độ 3.571 người/km<sup>2</sup>. Trên địa bàn xã có tuyến tỉnh lộ 422, một tuyến giao thông quan trọng. Bên cạnh đó, xã còn có nhiều tuyến đường khác kết nối với các xã lân cận như đường Tân Hội, đường Hạ Mỗ - Tân Hội, và đường Liên Hà. Xã Tân Hội cách Quốc lộ 32, tuyến đường đi qua các tỉnh và thành phố Hà Nội, Phú Thọ, Yên Bái và Lai Châu, khoảng 4 km. Từ Tân Hội đến bến xe Mỹ Đình khoảng 13 km, đến Ga Hà Nội khoảng 22 km và cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 18 km (Dandautu 2017).

Xã Hoàng Diệu có tổng diện tích đất tự nhiên là 809,51 héc-ta, trong đó đất nông

NGHIỆP CHIẾM 593,18 HÉC-TA (TRƯƠNG ĐƯƠNG 73,27%), đất phi nông nghiệp chiếm 216,33 héc-ta (26,72%), và không có diện tích đất chưa sử dụng. Xã được chia thành 7 thôn, với 2.710 hộ dân và tổng dân số khoảng 11.263 người (Ủy ban Nhân dân dân xã Hoàng Diệu 2023: 1). Về phát triển kinh tế, tổng giá trị sản xuất năm 2023 ước đạt 492 tỷ 220 triệu đồng, đạt 102% so với cùng kỳ năm trước và 93% so với kế hoạch năm. Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản đều hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra. Cơ cấu kinh tế tiếp tục dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 71,16 triệu đồng/người/năm (Ủy ban Nhân dân dân xã Hoàng Diệu 2023: 1).

Về phương pháp nghiên cứu, nghiên cứu này dựa trên nhiều chuyến điền dã khác nhau của tác giả đến các địa bàn nghiên cứu. Hai phương pháp chính được các tác giả sử dụng để thu thập thông tin. Thứ nhất là phân tích tài liệu có sẵn. Nhiều tài liệu có sẵn đã được phân tích, sử dụng phục vụ các nội dung của bài viết, nhất là nhiều tài liệu, báo cáo khác nhau của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ba xã. Cùng với việc phân tích tài liệu có sẵn, tác giả bài viết đã tiến hành phỏng vấn sâu trên thực địa.

Về phương pháp phỏng vấn sâu, bài viết này dựa trên kết quả các phỏng vấn sâu được thực hiện vào tháng 9 năm 2023 tại Tân Hội, Dương Liễu, Hoàng Diệu. Bên cạnh đó, trong nửa đầu năm 2024, một số cuộc trao đổi qua điện thoại giữa tác giả của bài viết với lãnh đạo và người dân tại các địa bàn nghiên cứu cũng được thực hiện nhằm thu thập thêm thông tin liên quan đến sinh kế và sử dụng đất.

Trong đợt nghiên cứu thực địa tháng 9 năm 2023, tác giả bài viết đã thực hiện 24 cuộc phỏng vấn sâu, với tổng cộng 33 người tham gia do một số cuộc phỏng vấn có nhiều hơn một người trả lời. Cụ thể, có 18 cuộc phỏng vấn với một người tham gia, 4 cuộc

<sup>1</sup> Thông tin từ cán bộ văn phòng UBND xã Dương Liễu tại cuộc tọa đàm ngày 4 tháng 3 năm 2017.

phỏng vấn với hai người, 1 cuộc phỏng vấn với ba người và 1 cuộc phỏng vấn với bốn người. Trong số 33 người được phỏng vấn có 21 nam và 12 nữ, bao gồm cán bộ lãnh đạo xã, cán bộ hợp tác xã nông nghiệp, trưởng thôn và người dân đang tham gia các hoạt động sinh kế khác nhau<sup>2</sup>.

Việc lựa chọn người trả lời phỏng vấn sâu được tiến hành theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích, trong đó nhà nghiên cứu chủ động xác định và lựa chọn các đối tượng nghiên cứu trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu đặt ra. Cụ thể, những người được lựa chọn là các cá nhân có khả năng cung cấp dữ liệu liên quan đến đất đai, dân số, việc làm và sinh kế của hộ gia đình trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới và giai đoạn hậu COVID-19. Đồng thời, các phỏng vấn sâu cũng tìm hiểu những thay đổi trong tổ chức đời sống gia đình và lối sống của người dân tại các địa bàn nghiên cứu. Một phần dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn này được sử dụng trong bài viết.

## 5. Suy giảm vốn tự nhiên và chiến lược dịch chuyển sinh kế của nông hộ nhỏ khỏi sản xuất nông nghiệp truyền thống

Từ góc nhìn của khung sinh kế bền vững đã được đề cập đến ở trên, vốn tự nhiên - bao gồm đất đai, nguồn nước, điều kiện sinh thái - được xem là nền tảng vật chất quan trọng của sinh kế nông hộ nhỏ ở nông thôn. Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, dữ liệu phỏng vấn sâu tại các địa phương cho thấy vốn tự nhiên không chỉ bị suy giảm về quy mô, mà quan trọng hơn, đang mất dần giá trị (dù giá chuyển nhượng đất gia tăng) đối với sinh kế sản xuất nông nghiệp, dẫn tới sự dịch chuyển sinh kế có tính hệ thống khỏi sản xuất nông nghiệp truyền thống của nông hộ nhỏ. Quá trình này không phải là sự từ bỏ nông nghiệp mang tính chủ quan, mà là kết

quả của một đứt gãy giữa chi phí, rủi ro và lợi ích trong sản xuất nông nghiệp ven đô.

Một điểm lặp lại trong các phỏng vấn sâu là việc canh tác lúa không còn tạo ra lợi ích kinh tế đủ để tái sản xuất sinh kế. Nhận định “cây cày thuê mướn công nó cao quá, đến lúc thu vào chả được mấy”<sup>3</sup> phản ánh chính xác tình trạng mất cân đối giữa đầu vào và đầu ra trong sản xuất nông nghiệp của các nông hộ nhỏ. Khi lao động nông nghiệp ngày càng phải thuê mướn với giá cao, trong khi sản lượng lúa trên một hộ gia đình không nhiều do diện tích canh tác ít và giá lúa không cao, đất nông nghiệp không còn là tài sản sinh kế cho sản xuất nông nghiệp ở quy mô nông hộ nhỏ hiệu quả mà dần trở thành gánh nặng chi phí. Phỏng vấn sâu bà Trần Thị An ở Tân Hội cho thấy rõ sự suy giảm giá trị sử dụng của đất đối với sản xuất nông nghiệp ở cấp độ vi mô. Bà còn cho biết thêm dù vẫn có hơn 3 sào ruộng và: “Ruộng thì không bao giờ bỏ, vẫn thích cây lúa, nhưng mà chuột nó ăn nhiều quá không làm gì được... cây đến ngày ăn rồi, chuột nó vất cho ba ngày hết sạch, thế đến còn độ không nổi một bì thóc”<sup>4</sup>. Điều đáng chú ý ở đây không chỉ là mất mùa, mà là việc canh tác không còn bảo đảm được ngưỡng sinh kế tối thiểu, thậm chí không đủ lương thực cho gia đình. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, đất đai trong trường hợp này đã đánh mất chức năng bảo đảm sinh kế nông nghiệp cho nông hộ nhỏ, khiến việc tiếp tục đầu tư lao động trở nên phi lý về mặt kinh tế.

Ở cấp độ cộng đồng, suy giảm vốn tự nhiên còn gắn liền với quá trình thu hồi đất và đô thị hóa ven đô. Theo ông Nguyễn Thục Sinh, một cán bộ lãnh đạo địa phương khi bàn về một dự án được triển khai đã cho biết “... người ta lấy ở chỗ xã em là hơn 100 héc-ta, 113 héc-ta... trước đây [đất này]

<sup>2</sup> Tên của tất cả những người được phỏng vấn được trình bày trong bài viết đã được thay đổi.

<sup>3</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Thục Sinh, nam, sinh năm 1986, cán bộ ở xã Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

<sup>4</sup> Phỏng vấn sâu Trần Thị An, nữ, sinh năm 1976, nông dân ở Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

100% là [đất] trồng lúa”<sup>5</sup>. Việc chuyển đổi quy mô lớn đất lúa sang khu đô thị không chỉ làm giảm diện tích canh tác mà còn phá vỡ không gian sinh thái - xã hội của nông nghiệp, từ hệ thống thủy lợi, đường nội đồng đến nhịp thời vụ và tổ chức lao động. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, đây là một cú sốc cấu trúc làm suy yếu nền tảng vốn tự nhiên của sinh kế nông hộ nhỏ. Trong bối cảnh đó, sản xuất nông nghiệp nhanh chóng bị đẩy ra khỏi vị trí trung tâm trong chiến lược sinh kế của các nông hộ nhỏ, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Ông Sinh nhận định dứt khoát: “Người trẻ thì 100% là không cấy... họ có những việc làm thu nhập tốt hơn”.<sup>6</sup> Nhận định này cho thấy sự dịch chuyển khỏi nông nghiệp không đơn thuần là lựa chọn cá nhân mà là sự tái cấu trúc sinh kế theo thế hệ, trong đó nông nghiệp không còn đủ sức cạnh tranh với các sinh kế phi nông nghiệp về thu nhập, tính ổn định và triển vọng tương lai.

Ngay cả trong những hộ vẫn duy trì canh tác, sản xuất nông nghiệp cũng chỉ còn giữ vai trò thứ yếu, chủ yếu nhằm bảo đảm an ninh lương thực ở mức tối thiểu cho gia đình. Trường hợp bà Nguyễn Thị Hân ở Tân Hội là minh chứng điển hình. Bà cho biết dù vẫn cấy 4 sào ruộng nhưng “em chuyên để ăn, phục vụ gia đình” và lý do chính để tiếp tục làm ruộng là “mình là người nhà nông thì mình phải có ruộng cấy”<sup>7</sup>. Trong khi đó, sinh kế chính của gia đình lại đến từ lái xe tải, trông xe ở trường đại học và các hoạt động dịch vụ khác. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, đây là biểu hiện của sự tách rời giữa vốn tự nhiên và chiến lược tạo thu nhập, khi sản xuất nông nghiệp

chỉ còn mang tính duy trì bản sắc và dự phòng rủi ro.

Một hiện tượng đáng chú ý khác là việc nhiều hộ không bán đất nông nghiệp dù không còn canh tác. Theo ông Nguyễn Văn Hà, trưởng một thôn ở Hoàng Diệu thì “họ không bán... chắc là họ muốn giữ lại”, dù giá đất nông nghiệp “chỉ 60-70 triệu một sào”<sup>8</sup>. Điều này cho thấy đất nông nghiệp đang được tái định nghĩa từ tư liệu sản xuất sang tài sản an sinh dự phòng, một dạng vốn tự nhiên mang tính bảo hiểm hơn là nền tảng sinh kế hiện tại.

Cuối cùng, sự suy giảm vốn tự nhiên còn dẫn tới sự đứt gãy trong tái sản xuất sinh kế nông nghiệp giữa các thế hệ. Ông Hùng nhấn mạnh: “Lớp trẻ sinh từ năm 1985 trở lại đây là gần như không có làm nông nghiệp”<sup>9</sup>. Khi thế hệ trẻ không còn tham gia canh tác, sản xuất nông nghiệp trở thành lĩnh vực “già hóa”, phụ thuộc vào người cao tuổi - những người tiếp tục làm ruộng không phải vì hiệu quả kinh tế mà vì thói quen, trách nhiệm gia đình hoặc thiếu lựa chọn sinh kế khác. Điều này làm suy yếu khả năng duy trì lâu dài của sinh kế nông nghiệp ở quy mô nông hộ nhỏ. Nhìn một cách tổng thể, các bằng chứng từ thực địa cho thấy, suy giảm vốn tự nhiên, cụ thể là giảm quy mô diện tích canh tác và giảm giá trị đất sản xuất đối với sản xuất nông nghiệp quy mô nông hộ nhỏ tại các xã ven đô Hà Nội, không phải là hiện tượng cục bộ hay tạm thời, mà là một quá trình mang tính cấu trúc, gắn với đô thị hóa và tái cấu trúc thị trường lao động. Trong bối cảnh đó, việc nhiều nông hộ khẳng định đã “bỏ làm nông nghiệp lâu rồi” cần được hiểu như một chiến lược thích ứng hợp lý trong khung sinh kế bền

<sup>5</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Thực Sinh, nam, sinh năm 1986, cán bộ ở xã Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

<sup>6</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Thực Sinh, nam, sinh năm 1986, cán bộ ở xã Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

<sup>7</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Thị Hân, nữ, sinh năm 1974, nông dân ở Tân Hội, trông xe đạp ở Đại học Công nghiệp Hà Nội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

<sup>8</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Văn Hà, nam, sinh năm 1975, trưởng một thôn ở Hoàng Diệu. Ngày phỏng vấn: 7-9-2023.

<sup>9</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Văn Hà, nam, sinh năm 1975, trưởng một thôn ở Hoàng Diệu. Ngày phỏng vấn: 7-9-2023.

vững, chứ không phải là biểu hiện của sự thờ ơ hay “xa rời truyền thống”. Sự dịch chuyển chiến lược khỏi sản xuất nông nghiệp truyền thống của các nông hộ nhỏ đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với tiến trình phát triển nông nghiệp, nông thôn ven đô trong giai đoạn hiện nay và tương lai.

## 6. Tái cấu trúc vốn con người và phân hóa chiến lược sinh kế của nông hộ nhỏ

Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, vốn con người - bao gồm kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng - giữ vai trò then chốt trong việc định hình chiến lược sinh kế của hộ gia đình. Dữ liệu phỏng vấn sâu tại các địa phương được khảo sát cho thấy, cùng với sự suy giảm vai trò của vốn tự nhiên đối với nông hộ nhỏ, vốn con người đang được tái cấu trúc một cách sâu sắc, kéo theo sự phân hóa rõ rệt về chiến lược lao động giữa các thế hệ trong hộ gia đình. Quá trình đa dạng hóa sinh kế vì vậy không chỉ diễn ra theo chiều ngang (đa ngành nghề) mà còn theo chu kỳ đời sống và địa vị lao động trong cấu trúc hộ.

Một đặc điểm nổi bật là lao động trẻ gần như rút khỏi sản xuất nông nghiệp. Theo ghi nhận ở Dương Liễu, “các con [lao động] trẻ thì đa phần không làm [nông nghiệp] nữa, ... họ đi làm thuê hoặc đi làm công việc khác”<sup>10</sup>. Nhận định này phản ánh một xu thế phổ biến tại nhiều địa bàn ven đô, nơi nông nghiệp không còn được xem là con đường sinh kế khả thi đối với thế hệ trẻ. Trong bối cảnh thị trường lao động phi nông nghiệp ngày càng mở rộng, đặc biệt là các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất và dịch vụ đô thị, lao động trẻ có xu hướng dịch chuyển sang những lĩnh vực mang lại thu nhập cao hơn. Ở chiều ngược lại, sản xuất nông nghiệp - nếu còn tồn tại - chủ yếu do nhóm trung

niên hoặc người cao tuổi đảm nhiệm. Trường hợp bà Trần Thị An ở Tân Hội cho thấy gánh nặng lao động nông nghiệp rơi vào nhóm tuổi đã ngoài sức lao động sung mãn. Bà cho biết dù sức khỏe hạn chế, vẫn phải “sáng lại ra từ 3 giờ sáng nhỏ mạ, cấy xong lại về ngôi chợ”<sup>11</sup>. Trong khi đó, con cái đã rời khỏi không gian làng xã để lao động ở nước ngoài. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, đây là biểu hiện của sự phân công lao động theo thế hệ trong hộ gia đình: lao động trẻ đảm nhiệm sinh kế có thu nhập cao hơn (phi nông nghiệp, di cư), còn lao động lớn tuổi duy trì nông nghiệp ở mức cầm chừng nhằm bảo đảm an ninh lương thực và giữ đất. Sự phân hóa này cho thấy nông nghiệp không còn là chiến lược sinh kế trung tâm mà trở thành sinh kế “bù đắp”, gắn với những thành viên ít lựa chọn nhất trên thị trường lao động. Khi thế hệ trẻ không còn tham gia, vốn con người trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp bị “già hóa”, làm suy yếu khả năng tái sản xuất, đồng thời đẩy nhanh quá trình rút lui của nông hộ nhỏ khỏi sản xuất nông nghiệp truyền thống.

Trong nhiều hộ gia đình, sự tái cấu trúc vốn con người còn thể hiện qua việc phân tán lao động theo không gian. Trường hợp bà Trần Thị An cho thấy con cái di cư quốc tế đã trở thành một phần trong chiến lược sinh kế của hộ: “Bốn cô con gái là lấy chồng nhưng mà bây giờ các cháu ở bên nước ngoài gần hết rồi... hai đứa ở bên Hàn Quốc, còn hai vợ chồng ở bên Ba Lan”<sup>12</sup>. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, đây là quá trình chuyển hóa vốn con người tại chỗ thành vốn con người di động, cho phép hộ gia đình tiếp cận các nguồn thu nhập ngoài không gian nông thôn và giảm áp lực sinh kế đối với những thành viên ở lại.

<sup>10</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Việt Tam, nam, sinh năm 1982, phó một thôn ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>11</sup> Phỏng vấn sâu Trần Thị An, nữ, sinh năm 1976, nông dân ở Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

<sup>12</sup> Phỏng vấn sâu Trần Thị An, nữ, sinh năm 1976, nông dân ở Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

Bên cạnh xu hướng rút khỏi nông nghiệp, một bộ phận hộ gia đình đã chủ động nâng cấp và chuyển hóa vốn con người thông qua việc học hỏi kỹ năng mới, vận hành máy móc và tổ chức sản xuất hàng hóa. Trường hợp hộ ông Ngô Văn Vân ở Dương Liễu minh họa rõ nét sự chuyển đổi này. Khi không còn làm nông nghiệp, gia đình ông chuyên sang sản xuất bánh canh, trong đó công nghệ đóng vai trò then chốt. Ông cho biết: “Công nghệ này [sản xuất bánh canh] là lấy từ trong Sài Gòn ra” qua một người họ hàng di cư và sinh sống ở trong đó<sup>13</sup>. Việc tiếp nhận công nghệ từ các mối quan hệ di cư cho thấy vốn con người không còn bị giới hạn trong không gian làng xã, mà được mở rộng thông qua các mạng lưới liên vùng, liên tỉnh. Sự chuyển hóa vốn con người này không chỉ dừng lại ở việc học kỹ thuật sản xuất mà còn bao gồm năng lực tổ chức lao động, tiếp cận thị trường và quản lý sản xuất. Trong trường hợp hộ gia đình ông Vân, sản xuất bánh canh đạt quy mô “khoảng 4 tạ một ngày”<sup>14</sup> và mang lại thu nhập ổn định. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, đây là minh chứng cho việc vốn con người được tái cấu trúc để phù hợp với sinh kế phi nông nghiệp, giúp hộ gia đình thoát khỏi sự phụ thuộc vào đất đai.

Quá trình tái cấu trúc vốn con người còn thể hiện rõ ở thể hệ trẻ thông qua việc kết hợp kỹ năng truyền thống với năng lực mới. Trường hợp anh Trần Viết Quân ở Tân Hội cho thấy sinh kế phi nông nghiệp không chỉ dựa vào nghề mộc truyền thống của gia đình mà còn dựa vào kỹ năng số và marketing. Anh chia sẻ: “Em trước đây một năm thì em chỉ biết về marketing, về chạy quảng cáo

Facebook với cả Shopee, còn cái sản xuất này thì là em tìm hiểu dần”<sup>15</sup>. Điều này cho thấy vốn con người đang được tái cấu trúc theo hướng lai ghép giữa kỹ năng thủ công và tri thức thị trường - công nghệ, tạo điều kiện cho sinh kế hàng hóa và mở rộng quy mô. Tuy nhiên, sự tái cấu trúc vốn con người không diễn ra đồng đều giữa các hộ. Trong khi một số hộ có khả năng chuyển hóa kỹ năng và tận dụng mạng lưới xã hội để phát triển sinh kế mới, nhiều hộ khác vẫn bị “kẹt” trong các chiến lược lao động giản đơn, chủ yếu là làm thuê với thu nhập thấp và thiếu ổn định<sup>16</sup>. Việc lao động trẻ rời bỏ nông nghiệp nhưng không tích lũy được kỹ năng chuyên môn cao đặt ra nguy cơ hình thành một tầng lớp lao động phi chính thức dễ bị tổn thương trong dài hạn.

Nhìn tổng thể, dữ liệu phỏng vấn từ thực địa cho thấy tái cấu trúc vốn con người đóng vai trò quan trọng trong quá trình đa dạng hóa sinh kế của nông hộ nhỏ ven đô Hà Nội. Sự phân hóa chiến lược lao động theo thể hệ, không gian và kỹ năng phản ánh một quá trình thích ứng chủ động của hộ gia đình trước sự suy giảm vai trò của vốn tự nhiên đối với sản xuất nông nghiệp của các nông hộ nhỏ. Từ tiếp cận của khung sinh kế bền vững, quá trình này vừa mở ra cơ hội nâng cao khả năng chống chịu sinh kế, vừa tạo ra những bất bình đẳng mới trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội lao động, đặt ra yêu cầu mới về các chính sách đào tạo nghề, an sinh xã hội và hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho nông hộ ven đô trong bối cảnh phát triển hiện nay.

<sup>13</sup> Phỏng vấn sâu Ngô Văn Vân, nam, sinh năm 1951, nông dân, sản xuất bánh canh; và Đồng Thị Thu, nữ, sinh năm 1979, nông dân, sản xuất bánh canh ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>14</sup> Phỏng vấn sâu Ngô Văn Vân, nam, sinh năm 1951, nông dân, sản xuất bánh canh; và Đồng Thị Thu, nữ, sinh năm 1979, nông dân, sản xuất bánh canh ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>15</sup> Phỏng vấn sâu Trần Viết Quân, nam, sinh năm 1991, nông dân, sản xuất gương cho phòng vệ sinh ở Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

<sup>16</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Thực Sinh, nam, sinh năm 1986, cán bộ ở xã Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

## 7. Đa dạng hóa sinh kế thông qua tích lũy vốn vật chất và tài chính

Từ tiếp cận của khung sinh kế bền vững, vốn vật chất và vốn tài chính đóng vai trò quan trọng, cho phép các hộ gia đình chuyển hóa các nguồn lực khác thành những chiến lược sinh kế có khả năng tạo thu nhập ổn định và mở rộng quy mô. Dữ liệu phỏng vấn sâu tại các địa phương được khảo sát cho thấy, trong bối cảnh sản xuất nông nghiệp truyền thống không còn là trụ cột sinh kế, nhiều nông hộ nhỏ đã chủ động tái cấu trúc sinh kế thông qua việc tích lũy vốn vật chất (máy móc, nhà xưởng, phương tiện vận chuyển) và vốn tài chính, từng bước hình thành các sinh kế phi nông nghiệp gắn chặt với thị trường đô thị và liên vùng. Một biểu hiện nổi bật của quá trình này là sự phát triển mạnh mẽ của tiểu thủ công nghiệp và sản xuất hàng hóa quy mô hộ gia đình. Trường hợp hộ ông Ngô Văn Vân ở Dương Liễu cho thấy sự dịch chuyển sinh kế mang tính triệt để khỏi nông nghiệp. Ông khẳng định gia đình mình đã “bỏ làm nông nghiệp lâu rồi”<sup>17</sup>, và toàn bộ sinh kế hiện nay dựa vào sản xuất bánh canh. Quy mô sản xuất được ông mô tả khá cụ thể: “Mỗi ngày làm khoảng 4 tạ bánh”, với thu nhập “mỗi ngày lời được khoảng vài triệu”.<sup>18</sup> Những con số này cho thấy đây không còn là sinh kế tự cung tự cấp mà là sinh kế sản xuất hàng hóa, vận hành theo logic thị trường và phụ thuộc trực tiếp vào năng lực tổ chức sản xuất. Đáng chú ý, sự tích lũy vốn vật chất đóng vai trò then chốt trong quá trình chuyển đổi này. Ông Vân cho biết gia đình đã đầu tư máy móc chuyên dụng để sản xuất bánh<sup>19</sup>. Việc tiếp nhận công nghệ

từ các mối quan hệ di cư của hộ gia đình ông Vân, như đã đề cập đến ở trên, không chỉ phản ánh sự vận hành của vốn xã hội mà còn cho thấy vốn vật chất được tích lũy thông qua các mạng lưới liên vùng, vượt ra ngoài không gian làng xã truyền thống. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, đây là quá trình chuyển hóa vốn xã hội và vốn con người thành vốn vật chất, cho phép hộ gia đình triển khai chiến lược sinh kế phi nông nghiệp.

Cùng với máy móc, phương tiện vận chuyển cũng trở thành một dạng vốn vật chất quan trọng. Trong phỏng vấn, ông Vân cho biết sản phẩm bánh canh không chỉ tiêu thụ trong xã mà được đưa đi nhiều nơi thông qua hệ thống vận chuyển liên tỉnh<sup>20</sup>. Điều này cho thấy sinh kế của hộ gia đình đã được tích hợp vào chuỗi cung ứng rộng hơn, trong đó khả năng tiếp cận thị trường và vận chuyển hàng hóa trở thành điều kiện sống còn. Vì vậy, sinh kế của hộ gia đình ông Vân không còn gắn với không gian ruộng đồng mà gắn với dòng lưu chuyển hàng hóa, nguyên liệu và tiền tệ.

Ở mức độ cao hơn, trường hợp hộ gia đình ông Nguyễn Phi Tâm ở Dương Liễu phản ánh sự chuyển dịch từ nông hộ nhỏ sang mô hình kinh doanh nông sản quy mô lớn, trong đó vốn tài chính đóng vai trò quyết định. Ông Tâm cho biết gia đình đã “bỏ ruộng 20 năm rồi”<sup>21</sup>, hiện nay cơ sở kinh doanh của ông đạt doanh thu “từ 30 đến 50 tỷ đồng một năm”<sup>22</sup>, với sản lượng

<sup>17</sup> Phỏng vấn sâu Ngô Văn Vân, nam, sinh năm 1951, nông dân, sản xuất bánh canh; và Đồng Thị Thu, nữ, sinh năm 1979, nông dân, sản xuất bánh canh ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>18</sup> Phỏng vấn sâu Ngô Văn Vân, nam, sinh năm 1951, nông dân, sản xuất bánh canh; và Đồng Thị Thu, nữ, sinh năm 1979, nông dân, sản xuất bánh canh ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>19</sup> Phỏng vấn sâu Ngô Văn Vân, nam, sinh năm 1951, nông dân, sản xuất bánh canh; và Đồng Thị Thu, nữ, sinh

năm 1979, nông dân, sản xuất bánh canh ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>20</sup> Phỏng vấn sâu Ngô Văn Vân, nam, sinh năm 1951, nông dân, sản xuất bánh canh; và Đồng Thị Thu, nữ, sinh năm 1979, nông dân, sản xuất bánh canh ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>21</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Phi Tâm, nam, sinh năm 1971, nông dân và chủ cơ sở chế biến nông sản ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>22</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Phi Tâm, nam, sinh năm 1971, nông dân và chủ cơ sở chế biến nông sản ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

thu mua “khoảng 1.000 tấn nông sản”<sup>23</sup>. Những con số này cho thấy sinh kế của hộ gia đình ông Tâm không chỉ tách rời hoàn toàn khỏi nông nghiệp truyền thống mà còn vượt xa quy mô sinh kế nông hộ thông thường. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, trường hợp ông Tâm minh họa rõ sự thay thế vai trò của vốn tự nhiên bằng vốn tài chính. Đất nông nghiệp không còn là điều kiện tiên quyết để tạo dựng sinh kế hộ gia đình, mà được thay thế bằng năng lực huy động vốn, tổ chức thu mua, quản lý dòng tiền và tiếp cận thị trường. Việc “bỏ ruộng 20 năm rồi”<sup>24</sup> nhưng vẫn gắn với lĩnh vực nông sản (thu mua, buôn bán nông sản) cho thấy một sự phân tách rõ rệt giữa sản xuất nông nghiệp và kinh doanh nông sản.

Ở quy mô nhỏ hơn nhưng mang tính phổ biến, nhiều hộ gia đình ven đô đã đầu tư vào các dạng vốn vật chất “lai ghép”, vừa phục vụ sinh kế vừa tận dụng không gian ở. Trường hợp anh Trần Việt Quân ở Tân Hội cho thấy gia đình sử dụng đất làng nghề và đất ở để xây dựng xưởng sản xuất. Anh cho biết: “Em có một xưởng ở nhà với một xưởng ở làng nghề... xưởng nhà em thì hơn trăm mét [vuông], 170 mét [vuông]”<sup>25</sup>. Việc tích lũy và sử dụng không gian sản xuất này cho thấy vốn vật chất không còn chỉ là máy móc mà bao gồm cả mặt bằng, hạ tầng và quyền sử dụng đất phi nông nghiệp.

Điều đáng chú ý là sự tích lũy vốn vật chất thường diễn ra song song với sự tích lũy vốn tài chính, theo một lộ trình dần dần. Nhiều hộ bắt đầu từ quy mô nhỏ, tích lũy lợi nhuận từng bước để tái đầu tư mở rộng sản xuất. Trường hợp ông Vận cho thấy lợi

nhuận “vài triệu một ngày”<sup>26</sup> không chỉ đảm bảo sinh kế trước mắt mà còn tạo điều kiện để duy trì, sửa chữa máy móc và ổn định nguồn cung nguyên liệu. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, đây là quá trình củng cố khả năng chống chịu sinh kế thông qua tái đầu tư liên tục vào vốn vật chất. Tuy nhiên, dữ liệu phỏng vấn cũng cho thấy sự tích lũy vốn vật chất và tài chính không diễn ra đồng đều giữa các hộ. Trong khi một số hộ có khả năng mở rộng quy mô và tiếp cận thị trường lớn, nhiều hộ khác chỉ dừng lại ở mức sinh kế tiểu thủ công nghiệp nhỏ lẻ, phụ thuộc mạnh vào biến động thị trường và thiếu khả năng dự phòng rủi ro<sup>27</sup>. Điều này phản ánh sự phân hóa sinh kế ngày càng rõ nét trong nội bộ cộng đồng ven đô, trong xu hướng chuyển dịch ra khỏi sản xuất nông nghiệp truyền thống của các nông hộ nhỏ.

Nhìn tổng thể, đa dạng hóa sinh kế thông qua tích lũy vốn vật chất và vốn tài chính cho thấy một xu hướng chuyển dịch sinh kế mang tính cấu trúc của nông hộ nhỏ ven đô Hà Nội. Sinh kế không còn dựa trên quyền tiếp cận đất đai mà dựa trên khả năng huy động vốn, tổ chức sản xuất và kết nối thị trường. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, quá trình này góp phần nâng cao khả năng chống chịu và mở rộng cơ hội sinh kế cho một bộ phận nông hộ, nhưng đồng thời cũng tạo ra những bất bình đẳng mới về khả năng tích lũy vốn và tham gia vào các chuỗi giá trị có giá trị gia tăng cao.

## 8. Vốn xã hội và đa dạng hóa sinh kế dựa trên mạng lưới làng nghề - thị trường

Từ tiếp cận của khung sinh kế bền vững đã được trình bày ở trên, vốn xã hội được

<sup>23</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Phi Tâm, nam, sinh năm 1971, nông dân và chủ cơ sở chế biến nông sản ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>24</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Phi Tâm, nam, sinh năm 1971, nông dân và chủ cơ sở chế biến nông sản ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>25</sup> Phỏng vấn sâu Trần Việt Quân, nam, sinh năm 1991, nông dân, sản xuất gương cho phòng vệ sinh ở Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

<sup>26</sup> Phỏng vấn sâu Ngô Văn Vân, nam, sinh năm 1951, nông dân, sản xuất bánh canh; và Đồng Thị Thu, nữ, sinh năm 1979, nông dân, sản xuất bánh canh ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>27</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Thực Sinh, nam, sinh năm 1986, cán bộ ở xã Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

hiểu là mạng lưới xã hội, lòng tin và quan hệ có đi có lại cho phép các cá nhân và hộ gia đình tiếp cận nguồn lực và cơ hội sinh kế. Dữ liệu phỏng vấn sâu tại các địa phương được khảo sát cho thấy, trong bối cảnh sinh kế sản xuất nông nghiệp truyền thống mất dần vai trò trung tâm, vốn xã hội - đặc biệt là các mạng lưới làng nghề, quan hệ họ hàng, quen biết và kết nối thị trường - trở thành một trụ cột quan trọng thúc đẩy quá trình đa dạng hóa sinh kế của nông hộ nhỏ.

Một đặc điểm nổi bật là sự vận hành của vốn xã hội thông qua các quan hệ gia đình và họ hàng, đóng vai trò như kênh truyền dẫn sinh kế mới. Trường hợp hộ ông Ngô Văn Vân ở Dương Liễu cho thấy nghề sản xuất bánh canh không hình thành một cách ngẫu nhiên, mà gắn chặt với mạng lưới quan hệ gia đình có yếu tố di cư. Ông cho biết: “Thằng chú nó làm bánh xuất khẩu ở trong Sài Gòn... rồi nó chuyển cái máy này về đây cho mình làm”<sup>28</sup>. Trích dẫn này cho thấy công nghệ sản xuất - một dạng vốn vật chất quan trọng - được tiếp cận thông qua vốn xã hội gia đình, thay vì thông qua các kênh chính thức như đào tạo. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, vốn xã hội ở đây không chỉ mang tính hỗ trợ tinh thần mà trực tiếp chuyển hóa thành nguồn lực sinh kế cụ thể. Nhờ mạng lưới này, sinh kế của hộ ông Vận nhanh chóng được tích hợp vào các chuỗi thị trường vượt ra ngoài phạm vi làng xã. Ông mô tả việc tiêu thụ sản phẩm: “Bánh làm ra là chở bằng ô tô, gửi bên xe, người ta mang đến tận nơi cho các mối”<sup>29</sup>. Cách thức phân phối này cho thấy mạng lưới thị trường không mang tính chính thức cao, nhưng dựa trên các mối quan hệ quen

biết, lòng tin và sự lặp lại giao dịch - những yếu tố cốt lõi của vốn xã hội. Sinh kế vì vậy không chỉ dựa trên năng lực sản xuất, mà còn phụ thuộc mạnh mẽ vào khả năng duy trì và mở rộng các mối quan hệ thị trường.

Ở quy mô cộng đồng, mạng lưới làng nghề đóng vai trò như một “không gian xã hội” trung gian giữa nông thôn và đô thị, cho phép các hộ gia đình đa dạng hóa sinh kế mà không cần rời khỏi địa bàn cư trú. Trường hợp anh Trần Việt Quân ở Tân Hội minh họa rõ vai trò này. Anh cho biết: “Em có một xưởng ở nhà với một xưởng ở làng nghề... xưởng làng nghề là đất bố em được cấp từ năm 2008-2009”<sup>30</sup>. Ở đây, đất làng nghề không chỉ là một dạng vốn vật chất, mà còn là kết quả của các mối quan hệ xã hội và cơ chế phân bổ nguồn lực dựa trên tư cách thành viên cộng đồng. Chính mạng lưới làng nghề đã tạo điều kiện cho hộ gia đình tiếp cận mặt bằng sản xuất - một yếu tố then chốt trong sinh kế phi nông nghiệp. Đáng chú ý, vốn xã hội không chỉ giúp tiếp cận không gian sản xuất mà còn hỗ trợ quá trình mở rộng thị trường. Anh Quân cho biết sinh kế của mình gắn chặt với các kênh bán hàng trực tuyến và mạng lưới khách hàng quen: “Em làm chủ yếu qua các mối quen, rồi bán online, khách đặt thì mình làm và gửi đi”<sup>31</sup>. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, đây là biểu hiện của sự kết hợp giữa vốn xã hội truyền thống (mối quen, khách hàng cũ) và các hình thức vốn xã hội mới trong môi trường số, cho phép sinh kế làng nghề vượt ra khỏi giới hạn địa phương.

Bên cạnh các mạng lưới làng nghề, vốn xã hội còn vận hành thông qua các mối quan hệ cộng đồng và thỏa thuận phi chính thức, đặc biệt trong việc sử dụng đất đai và không

<sup>28</sup> Phỏng vấn sâu Ngô Văn Vân, nam, sinh năm 1951, nông dân, sản xuất bánh canh; và Đồng Thị Thu, nữ, sinh năm 1979, nông dân, sản xuất bánh canh ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>29</sup> Phỏng vấn sâu Ngô Văn Vân, nam, sinh năm 1951, nông dân, sản xuất bánh canh; và Đồng Thị Thu, nữ, sinh năm 1979, nông dân, sản xuất bánh canh ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>30</sup> Phỏng vấn sâu Trần Việt Quân, nam, sinh năm 1991, nông dân, sản xuất gương cho phòng vệ sinh ở Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

<sup>31</sup> Phỏng vấn sâu Trần Việt Quân, nam, sinh năm 1991, nông dân, sản xuất gương cho phòng vệ sinh ở Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

gian sản xuất. Trường hợp tại xã Hoàng Diệu cho thấy nhiều hộ không trực tiếp canh tác nhưng cho thuê hoặc cho mượn đất dựa trên quan hệ làng xóm. Ông Nguyễn Văn Hà, trưởng một thôn ở Hoàng Diệu, cho biết: “Có những nhà không cấy nữa nhưng cho người ta thuê trồng hoa, trồng cây ăn quả... toàn là thỏa thuận với nhau thôi”<sup>32</sup>. Những thỏa thuận này hiếm khi được hợp đồng hóa chính thức, nhưng vẫn vận hành ổn định nhờ lòng tin và các chuẩn mực cộng đồng - những thành tố cốt lõi của vốn xã hội. Ở một khía cạnh khác, vốn xã hội còn đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu rủi ro sinh kế. Khi các hộ gia đình tham gia vào mạng lưới làng nghề hoặc thị trường quen biết, họ có thể linh hoạt điều chỉnh quy mô sản xuất, chia sẻ thông tin về giá cả, nguồn nguyên liệu và đầu ra. Trường hợp ông Ngô Văn Vân cho thấy khả năng thích ứng này: Khi thị trường biến động, ông có thể điều chỉnh sản lượng “làm nhiều hay ít là tùy vào môi đất”<sup>33</sup>, cho thấy sinh kế được điều tiết thông qua quan hệ xã hội chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào tín hiệu thị trường trừu tượng.

Tuy nhiên, dữ liệu phỏng vấn cũng cho thấy vốn xã hội không phân bổ đồng đều giữa các hộ. Những hộ có mạng lưới quan hệ rộng, gắn với làng nghề phát triển hoặc có người thân di cư thường có nhiều cơ hội đa dạng hóa sinh kế hơn. Ngược lại, các hộ thiếu kết nối thị trường hoặc không tham gia được vào mạng lưới làng nghề dễ bị “kẹt” trong các sinh kế giản đơn, thu nhập thấp<sup>34</sup>. Điều này cho thấy vốn xã hội, giống như các loại vốn khác trong khung sinh kế bền vững,

có thể trở thành nguồn tạo ra bất bình đẳng sinh kế nếu không được hỗ trợ bởi các cơ chế chính sách phù hợp.

Nhìn tổng thể, dữ liệu phỏng vấn tại các địa phương được khảo sát cho thấy vốn xã hội là một nguồn lực quan trọng trong quá trình đa dạng hóa sinh kế dựa trên mạng lưới làng nghề - thị trường. Thông qua các quan hệ gia đình, họ hàng, làng nghề và mối quen biết, nông hộ nhỏ có thể tiếp cận công nghệ, mặt bằng sản xuất, kênh tiêu thụ và thông tin thị trường. Dưới góc nhìn của khung sinh kế bền vững, vốn xã hội vì vậy không chỉ đóng vai trò “bổ trợ” mà trở thành chất keo kết nối các loại vốn khác, cho phép sinh kế ven đô vận hành và mở rộng trong bối cảnh đô thị hóa và thị trường hóa mạnh mẽ.

## 9. Kết luận

Những phân tích trên cho thấy quá trình chuyển đổi sinh kế của nông hộ nhỏ ven đô Hà Nội, trong đó năm loại vốn sinh kế hay tài sản sinh kế được các hộ gia đình vận dụng để hình thành chiến lược sinh kế thích ứng trong bối cảnh ven đô biến đổi nhanh chóng.

Trước hết, sự suy giảm vai trò của vốn tự nhiên đối với sinh kế sản xuất nông nghiệp đi liền với quá trình chuyển đổi sinh kế. Đất nông nghiệp không chỉ bị thu hẹp do thu hồi đất mà còn mất dần giá trị sinh kế thực tế đối với sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ. Trong bối cảnh đó, sản xuất nông nghiệp truyền thống của nông hộ nhỏ không còn đảm bảo chức năng tái sản xuất sinh kế, buộc nhiều hộ phải tìm kiếm các nguồn thu nhập thay thế. Việc bỏ làm nông nghiệp vì thế không phản ánh sự đứt gãy, mà là phản ứng thích ứng hợp lý trước những thay đổi của không gian ven đô Hà Nội.

Thứ hai, vốn con người được tái cấu trúc mạnh mẽ theo thể hệ và không gian, trở thành động lực trực tiếp của đa dạng hóa sinh kế. Lao động trẻ phần lớn rút khỏi nông

<sup>32</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Văn Hà, nam, sinh năm 1975, trưởng một thôn ở Hoàng Diệu. Ngày phỏng vấn: 7-9-2023.

<sup>33</sup> Phỏng vấn sâu Ngô Văn Vân, nam, sinh năm 1951, nông dân, sản xuất bánh canh; và Đồng Thị Thu, nữ, sinh năm 1979, nông dân, sản xuất bánh canh ở Dương Liễu. Ngày phỏng vấn: 9-9-2023.

<sup>34</sup> Phỏng vấn sâu Nguyễn Thực Sinh, nam, sinh năm 1986, cán bộ ở xã Tân Hội. Ngày phỏng vấn: 6-9-2023.

nghiệp, chuyển sang làm thuê, kinh doanh, hoặc di cư lao động trong và ngoài nước, trong khi sản xuất nông nghiệp của một bộ phận nông hộ nhỏ - nếu còn tồn tại - chủ yếu do người trung niên và cao tuổi đảm nhiệm ở mức cầm chừng. Sự phân hóa này cho thấy sinh kế không chỉ đa dạng theo ngành nghề mà còn theo chu kỳ đời sống và vị thế lao động trong hộ gia đình. Đồng thời, một số hộ đã chủ động nâng cấp vốn con người thông qua học hỏi kỹ năng, tiếp nhận công nghệ và tích lũy kinh nghiệm, qua đó tham gia vào các sinh kế gắn với thị trường.

Thứ ba, quá trình đa dạng hóa sinh kế cũng gắn chặt với sự tích lũy và tái đầu tư vốn vật chất như máy móc, nhà xưởng và phương tiện sản xuất. Trong các hoạt động tiểu thủ công nghiệp, sản xuất ở làng nghề và kinh doanh nông sản, vốn vật chất đóng vai trò như “đòn bẩy” giúp nông hộ giảm phụ thuộc vào đất đai và chuyển sang sinh kế hàng hóa, ngày càng tích hợp sâu hơn vào kinh tế đô thị.

Thứ tư, vốn tài chính ngày càng giữ vai trò trung tâm trong việc mở rộng và duy trì sinh kế. Nhiều hộ tích lũy vốn tài chính để tái đầu tư, mở rộng quy mô hoặc chuyển sang mô hình kinh doanh mới, qua đó tham gia vào các chuỗi giá trị có giá trị gia tăng cao hơn.

Cuối cùng, vốn xã hội nổi lên như “chất keo” kết nối và kích hoạt các loại vốn khác. Các mạng lưới họ hàng, làng nghề, di cư và quan hệ thị trường quen biết giúp nông hộ tiếp cận nguồn lực và giảm chi phí giao dịch, đồng thời tăng khả năng thích ứng trước biến động thị trường.

Tóm lại, chuyển đổi sinh kế của nông hộ nhỏ ven đô Hà Nội là một quá trình tái cấu trúc sinh kế mang tính hệ thống, trong đó nông nghiệp truyền thống không còn là trụ cột trung tâm mà trở thành yếu tố bổ trợ. Quá trình này phản ánh năng lực thích ứng chủ động của nông hộ nhỏ, đồng thời đặt ra những thách

thức mới đối với sinh kế sản xuất nông nghiệp của nông hộ nhỏ ven đô thị trong dài hạn. Một điểm cần nhấn mạnh thêm là bài viết đã vận dụng khung sinh kế bền vững để phân tích quá trình chuyển đổi sinh kế của nông hộ nhỏ ven đô Hà Nội, song vai trò của thể chế, chính sách, văn hóa - một cấu phần quan trọng của khung phân tích này - mới chỉ được nhận diện mà chưa được phân tích một cách sâu sắc và hệ thống. Đây là hạn chế của nghiên cứu. Điều này đồng thời cũng gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm làm rõ hơn tác động của các yếu tố thể chế, chính sách, văn hóa đối với chuyển đổi sinh kế của nông hộ nhỏ ven đô Hà Nội trong bối cảnh phát triển hiện nay.

\* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 504.01-2021.11.

### Tài liệu trích dẫn

- Ashley, Caroline , and Diana Carney. 1999. *Sustainable Livelihoods: Lessons from Early Experience*. London: Department for International Development. Truy cập ngày 10 tháng 5 năm 2019.  
[https://wiki.librarything.com/images/a/aa/Ashley\\_Sustainable\\_livelihood\\_lessons\\_learned.pdf](https://wiki.librarything.com/images/a/aa/Ashley_Sustainable_livelihood_lessons_learned.pdf)
- Bùi Bích Lan. 2011. "Vấn đề sinh kế và môi trường của các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc (trường hợp người Kháng ở Chiềng Bôm, Thuận Châu, Sơn La)". Tạp chí *Thông tin khoa học xã hội* 12: 47- 53.
- Chambers, Robert, and Gordon R. Conway. 1992. "Sustainable Rural Livelihoods: Practical Concepts for the 21st Century". *IDS Discussion Paper No 296, Brighton, UK: Institute of Development Studies*. Truy cập ngày 12 tháng 5 năm 2019.  
[http://publications.iwmi.org/pdf/H\\_32821.pdf](http://publications.iwmi.org/pdf/H_32821.pdf)

- Dandautu. 2017. "Thông tin khu vực xã Tân Hội, huyện Đan Phượng". Truy cập ngày 10 tháng 01 năm 2024. Dandautu (<https://dandautu.vn/thong-tin-khu-vuc-ha-noi/huyen-dan-phuong/xa-tan-hoi-huyen-dan-phuong>).
- DFID. 1999. "Sustainable Livelihoods Guidance Sheets." *London: Department for International Development*. Truy cập ngày 11 tháng 07 năm 2021. <https://www.livelihoodscentre.org/documents/114097690/114438878/Sustainable+livelihoods+guidance+sheets.pdf/594e5ea6-99a9-2a4e-f288-cbb4ae4bea8b?t=1569512091877>)
- Dương Chí Thiện và Vũ Mạnh Lợi. 2014. "Số đông của nhóm thanh niên vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa". Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Xã hội học, Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
- Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội. 2025. "Nghị quyết về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội." *Cổng thông tin điện tử UBND Thành phố Hà Nội*. Truy cập ngày 18 tháng 1 năm 2025. <https://storage-vnportal.vnpt.vn/gov-hni/6835/VanBan/2025/4/30/19%20NQ-H%4%90ND.pdf>
- Huỳnh Văn Chương và Ngô Hữu Hoành. 2010. "Ảnh hưởng của việc chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đến sinh kế của người nông dân tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam". *Tạp chí Khoa học Đại học Huế* 62A: 48-58.
- IFC. 2013. *Working with Smallholders A Handbook for Firms Building Sustainable Supply Chains*. Washington, DC: World Bank Group. Truy cập ngày 28 tháng 12 năm 2025. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/284771480330980968/pdf/110543-Handbook-Working-with-Smallholders.pdf>
- Khalil, Clara Aida, Piero Conforti, and Pietro Gennari. 2017. "Defining smallholders to monitor target 2.3. of the 2030 Agenda for Sustainable Development". *Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO)*. Truy cập ngày 28 tháng 12 năm 2025. <https://openknowledge.fao.org/items/28cf92fd-a3d3-48b6-b0eb-d73f5faf4f7e>
- Kollmair, M, and S.T Gamper. 2002. "The Sustainable Livelihoods Approach". *Paper for the Integrated Training Course of NCCR North-South Aeschiried Development Study Group, University of Zurich, Aeschiried*.
- Krantz, Lasse. 2001. "The Sustainable Livelihood Approach to Poverty Reduction: An Introduction". *Sida*. Truy cập tháng 5 năm 2019. [https://www.sida.se/contentassets/bd474c210163447c9a7963d77c64148a/the-sustainable-livelihood-approach-to-poverty-reduction\\_2656.pdf](https://www.sida.se/contentassets/bd474c210163447c9a7963d77c64148a/the-sustainable-livelihood-approach-to-poverty-reduction_2656.pdf)
- Lowder, Sarah K., Jakob Skoet, and Terri Raney. 2016. "The Number, Size, and Distribution of Farms, Smallholder Farms, and Family Farms Worldwide". *World Development* 87: 16-29.
- Ngô Thị Phương Lan. 2012. "Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long". *Tạp chí Nghiên cứu Con người* 3: 44-54.
- Nguyễn Duy Thắng. 2009. "Sử dụng vốn xã hội trong chiến lược sinh kế của nông dân ven đô Hà Nội dưới tác động của đô thị hóa". *Tạp chí Xã hội học số 4(4)*: 37-47.
- Nguyễn Quang Học. 2023. "Hiện trạng về đất trồng lúa và đề xuất nội dung sửa đổi tại Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa đảm bảo an ninh lương thực." *Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*. Truy cập ngày 8 tháng 1 năm 2025. <https://www.mard.gov.vn/Pages/hien-trang-ve-dat-trong-lua-va-de-xuat-noi-dung-sua-doi-tai-du-thao-luat-dat-dai-sua-.aspx>
- Nguyen Tuan Anh. 2019. "Vietnam: From Socialist Transformation to Reform". Pp. 307-43 in *Asian Smallholders in Comparative Perspective*, edited by Eric C Thompson, Jonathan Rigg, and Jamie Gillen. Amsterdam: Amsterdam University Press.
- Nguyễn Thị Thu Hương. 2019. "Số đông của phụ nữ ở vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp (nghiên cứu trường hợp xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội)". *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn* 5(2b): 197-211.
- Nguyễn Văn Sửu. 2018. *Công nghiệp hóa, đô thị hóa và biến đổi sinh kế ở ven đô Hà Nội*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tri thức.

- Nguyễn Xuân Mai. 2007. "Chiến lược sinh kế của hộ gia đình vùng ngập mặn các tỉnh phía Nam". Tạp chí *Xã hội học* 3: 59 - 65.
- Nhóm phóng viên. 2022. "Khơi thông nguồn lực đất đai để phát triển nông nghiệp: Tích tụ ruộng đất chưa hiệu quả." *Nhân dân*. Truy cập ngày 8 tháng 1 năm 2025. <https://nhandan.vn/khoi-thong-nguon-luc-dat-dai-de-phat-trien-nong-nghiep-post724491.html?utm>
- Office of Assistant Director-General (Natural Resources Management and Environment Department). 2013. "Smallholders and Family Farmers." *Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO)*. Truy cập ngày 28 tháng 12 năm 2025. <https://openknowledge.fao.org/items/1dd8c6ba-0f86-4e89-a850-5d7e31dea44e>
- Phan Thị Ngọc. 2018. "Từ sản xuất nông nghiệp đến kinh doanh nhà trọ: biến đổi sinh kế ở một làng ven đô Hà Nội dưới tác động của công nghiệp hóa, đô thị hóa". Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn* 1b: 33-43.
- Quốc hội. 2013. "Luật Đất đai". Thư viện pháp luật. Truy cập ngày 10 tháng 12 năm 2018. (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/Luat-dat-dai-2013-215836.aspx>).
- Quốc hội. 2024. "Luật Đất đai". Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. Truy cập ngày 05 tháng 09 năm 2024. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-quy-pham-phap-luat/luat-dat-dai-so-312024qh15-hieu-luc-thi-hanh-tu-ngay-01012025-10373>.
- Scoones, Ian. 1998. "Sustainable Rural Livelihoods: a Framework for Analysis." *IDS Working Paper 72*. Brighton, UK: Institute of Development Studies. Truy cập ngày 20 tháng 10 năm 2019. <https://www.staff.ncl.ac.uk/david.harvey/AE-F806/Scoones1998.pdf>
- The World Bank. 2023. *Working with Smallholders: A Handbook for Firms Building Sustainable Supply Chains (Third Edition)*. Washington, DC: The World Bank. Truy cập ngày 28 tháng 12 năm 2025. <https://openknowledge.worldbank.org/entities/publication/4bc6b23d-3a14-4d0f-814f-bd876bb5f010>
- Thompson, Eric, Jamie Gillen, and Jonathan Rigg. 2025. *Asian Smallholders in Comparative Perspective*: Routledge, Chapman & Hall, Incorporated.
- Turton, Cathryn 2000. "The Sustainable Livelihoods Approach and Programme Development in Cambodia." *Working Paper 130; Overseas Development Institute, Portland House, Stag Place, London: Department for International Development*. Truy cập tháng 5 năm 2019. [https://www.sida.se/contentassets/bd474c210163447c9a7963d77c64148a/the-sustainable-livelihood-approach-to-poverty-reduction\\_2656.pdf](https://www.sida.se/contentassets/bd474c210163447c9a7963d77c64148a/the-sustainable-livelihood-approach-to-poverty-reduction_2656.pdf)
- Ủy ban Nhân dân dân xã Hoàng Diệu. 2023. "Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2023 của xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội". Hà Nội.